

Số: 194/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 11 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
“Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;*

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND Thành phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách Thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2024”; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 và Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Uông Bí “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 539/TTr-UBND ngày 08/10/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”; Báo cáo thẩm tra số 186/BC-HĐND ngày 09/10/2024 của Ban kinh tế - xã hội HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 được phê duyệt tại Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố là 386.544,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;

- Ngân sách Thành phố là 376.544,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 136.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 23.000 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 52.944,652 triệu đồng.

II. Nội dung điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư năm 2024

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 25.002 triệu đồng, trong đó:

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 50.400 triệu đồng của 10 dự án, công trình, trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 45.000 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất của 06 công trình: (1) Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, TP Uông Bí là 1.700 triệu đồng; (2) Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 3.600 triệu đồng; (3) Chính trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Uông Bí là 2.700 triệu đồng; (4) Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí là 20.000 triệu đồng; (5) Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí là 13.500 triệu đồng; (6) Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí là 3.500 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt kế hoạch đề ra.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 5.400 triệu đồng từ nguồn thu phí Yên Tử của 04 công trình: (1) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 1.000 triệu đồng; (2) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí là 1.000 triệu đồng; (3) Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố là 1.380 triệu đồng; (4) Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 2.020 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Nguồn thu phí Yên Tử không đạt kế hoạch đề ra.

1.2. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 25.398 triệu đồng và phân bổ cho 15 dự án, công trình, trong đó:

- Bổ sung kế hoạch vốn là 16.800 triệu đồng từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản và phân bổ cho 12 dự án công trình, cụ thể:

+ *BQLDA đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư:* (1) Chính trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, TP Uông Bí là 1.901,664 triệu đồng;

Lí do bổ sung: Công trình đã được phê duyệt quyết toán, bố trí vốn để tất toán công trình.

+ *UBND các xã, phường làm Chủ đầu tư 11 công trình, tổng mức đầu tư là 14.898,336 triệu đồng gồm:* (1) Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 1.500 triệu đồng; (2) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp

một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí là 3.500 triệu đồng; (3) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí là 1.200 triệu đồng; (4) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng; (5) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 800 triệu đồng; (6) Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 700 triệu đồng; (7) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí là 2.000 triệu đồng; (8) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng; (9) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 1.500 triệu đồng; (10) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 900 triệu đồng; (11) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí là 1.598,336 triệu đồng.

Lí do bổ sung: Các công trình đã được HĐND Thành phố phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư, bố trí vốn để triển khai thực hiện.

- Bổ sung kế hoạch vốn là 8.598 triệu đồng từ nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang đầu tư và phân bổ cho 03 dự án, công trình do BQLDA đầu tư xây dựng làm Chủ đầu tư, cụ thể: (1) Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 3.600 triệu đồng; (2) Chỉnh trang tuyến đường Lụng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lụng Xanh, thành phố Uông Bí là 1.498 triệu đồng; (3) Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí là 3.500 triệu đồng.

Lí do bổ sung: Các công trình đang triển khai thực hiện, có nhu cầu vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành.

2. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 với giá trị là 10.896,166 triệu đồng, trong đó:

2.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn là 10.896,166 triệu đồng của 03 công trình và 02 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, cụ thể:

- Công trình đã phê duyệt quyết toán và không có nhu cầu vốn

(1) Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí là 29,166 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 356,198 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Công trình đã được phê duyệt quyết toán có giá trị phê duyệt giảm so với dự toán ban đầu.

(2) Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 6.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng;

(3) Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí là 4.610 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 358,485 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Các công trình chưa có nhu cầu vốn và không có khả năng giải ngân theo kế hoạch.

- Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư

(4) Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí là 157 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 143 triệu đồng;

(5) Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí là 100 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 0 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Các công trình đang được triển khai thực hiện, có nhu cầu vốn giảm so với dự toán ban đầu.

2.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 10.896,166 triệu đồng cho 09 dự án, công trình, cụ thể:

- Công trình đã phê duyệt quyết toán là 1.368,002 triệu đồng, gồm: (1) Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 62,188 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 312,188 triệu đồng; (2) Khắc phục sạt lở kè bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 1.229,077 triệu đồng; (3) Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí là 76,737 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.676,737 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Công trình đã được phê duyệt quyết toán, bố trí vốn để tất toán công trình.

- Công trình đang triển khai thực hiện là 9.528,164 triệu đồng, gồm: (4) Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Cống khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 2.000 triệu đồng; (5) Chỉnh trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Uông Bí là 2.000 triệu đồng; (6) Chỉnh trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí là 1.700 triệu đồng; (7) Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 300,089 triệu đồng; (8) Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dẻ Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí là 1.528,075 triệu đồng; (9) Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 2.000 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Các công trình đang triển khai thực hiện, có nhu cầu vốn để giải ngân khối lượng hoàn thành.

(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)

III. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh bổ sung là 361.542,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;

- Ngân sách Thành phố là 351.542,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 136.000 triệu đồng¹; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 95.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 17.600 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 69.744,652 triệu đồng; (6) Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên chuyển sang là 8.598 triệu đồng.

(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố giao:

1. UBND Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo đúng chỉ đạo của tỉnh, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và có giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa dự án công trình vào sử dụng đúng tiến độ nhằm phát huy hiệu quả sau đầu tư. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND Thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (B/c);
- Thường trực Thành ủy (B/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

¹ Cụ thể là (1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 50.000 triệu đồng, (2) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí là 26.000 triệu đồng, (3) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí là 60.000 triệu đồng.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn			Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng công	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho sang	Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu				
										NS Tỉnh	NS Thành phố																
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
	TỔNG CỘNG	89						1.641.437	1.596.117	649.970	946.147	923.227	912.632	472.990	439.642	361.543	10.000	351.543	95.000	17.600	24.600	69.745	8.598	136.000			
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	9						230.037	230.037	103.000	127.037	216.068	205.473	100.000	105.473	15.582		15.582	1.825				13.757				
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	8						227.577	227.577	103.000	124.577	213.702	203.373	100.000	103.373	15.316	0	15.316	1.825	0	0	13.491	0		0		
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000		4.000	3.750	3.750		3.750	133		133	133.358						Đã PDQT		
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rải thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821		3.821	3.500	3.500		3.500	48		48	48.239						Đã PDQT		
3	Nâng cấp đường bê tông, rải thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688		3.688	3.250	3.250		3.250	312		312	312.188						Đã PDQT		
4	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999	12.500	12.500		12.500	1.902		1.902				1.901.664			Đã PDQT		
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500	4.700	4.700		4.700	624		624	624.013						Đã PDQT		
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đối của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphat khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8838	30/10/2019	10.000	10.000		10.000	6.018	4.000		4.000	2.018		2.018				2.018.267			Đã PDQT		
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000	8.687	7.790		7.790	896		896				896.459			Đã PDQT		
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến Đường Độc lập Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164	171.297	163.882	100.000	63.882	8.153		8.153	707.662			7.445.473			Đã PDQT		
9	Khắc phục sự cố bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến công 5 của khu Đả Bắc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1				11221	12/12/2022	4.406	4.406	3.000	1.406					1.229		1.229				1.229.077			Đã PDQT		
	UBND phường Phương Đông	1						2.460	2.460		2.460	2.366	2.100	2.100	2.100	266		266				266					
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460	2.366	2.100		2.100	266		266				265.968			Đã PDQT		
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	25						985.157	985.157	546.970	438.187	701.861	701.861	372.990	328.871	155.882	10.000	145.882	18.413	6.000	16.700	23.671	5.098	76.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	24						588.187	588.187	130.000	438.187	328.871	328.871	0	328.871	145.882	145.882	18.413	6.000	16.700	23.671	5.098	76.000				
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000	21.300	21.300		21.300	3.000		3.000	1.000			2.000					
2	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	289.758	130.000	159.758	206.768	206.768		206.768	56.000		56.000	6.000					50.000			
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí, thành phố Uông Bí	1	7998646	799	074	7643;	30/11/2022;	116.855	116.855		116.855	40.000	40.000		40.000	26.000		26.000						26.000			

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Trong đó				Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tiếp nhận thu ngân sách năm 2023 dành cho SXKD	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
									NS Tỉnh	NS Thành phố							NS Tỉnh	NS Thành phố	NS Tỉnh	NS Thành phố																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kết cấu nguồn vốn				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh						Ghi chú
						Số QĐ	Ngày ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	NS Tỉnh	NS Thành phố	Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho dự án	Nguồn tiết kiệm 5% chi TX chuyển sang	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
23	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	1.147			700	700		700	356		356			356,198					
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vạng Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	2.676			1.500	1.500		1.500	1.000	1.000	1.000			1.000					
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	1						416.970	416.970	416.970		372.990	372.990	372.990		10.000	10.000									
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hà Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn I)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970	416.970		372.990	372.990	372.990		10.000	10.000									
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	43						402.445	357.125			1.200	1.200	1.200	1.200	180.535	180.535	68.218	8.600	7.900	32.317	3.500	60.000			
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	13						357.125	357.125			1.200	1.200	1.200	1.200	153.487	153.487	68.218	8.600	7.900	5.268	3.500	60.000			
1	Chính trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	65.000			400	400		400	30.000	30.000									
2	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	9.000			400	400		400	7.000	7.000			7.000						
3	Sửa chữa kẻ suối Vạng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mạ, phường Vạng Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	920						900	900				900						
4	Chính trang đất tại khu vực đối Dinh Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.719						3.000	3.000										
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	12.662						10.000	10.000						3.500				
6	Chính trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	60.000			400	400		400	28.600	28.600									
7	Xử lý sạt lở mái ta luy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vạng Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	10.424							5.000	5.000		5.000							
8	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	11.000							358	358				358,485					
9	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	1	8085923	799	341	3306	14/6/2024	146.975	146.975							60.000	60.000						60.000			
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8093284	799	292	3848	18/7/2024	5.000	5.000							3.028	3.028		118,075			2.910				
11	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	8093285	799	292	3846	18/7/2024	13.000	13.000							620	620		620							
12	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	8093286	799	074	3842	18/7/2024	10.100	10.100							2.000	2.000		2.000							

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương trình	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Tử	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Trong đó			NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu						
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố						Nguồn tài trợ ngân sách năm 2023 dành cho dự án	Kiểm tra 5% chi TX chuyển sang								
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
13	Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên dân từ đường Trần Nhân Tông đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	8095184	799	312	3841	18/7/2024	9.325			9.325					2.980	2.980		980				2.000						
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	30						45.320								27.048	27.048					27.048			PBI				
D	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH	12						23.797			23.797					4.098	9.543	9.543	6.543	3.000									
1	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	31/8/2023	670			670																		
2	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	619	332	2536	17/8/2023	5.878			5.878																		
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HBND&UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	619	332	3087	16/6/2023	525			525																		
4	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	619	332	3614	07/7/2023	1.107			1.107																		
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	619	332	3587	06/7/2023	3.653			3.653																		
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	8059069	619	332	5299	20/10/2023	793			793																		
7	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phường Vãng Danh thành phố Uông Bí (Phần khu B) tại phường Vãng Danh, thành phố Uông Bí	1	8098495	619	332	3308	14/6/2024	4.964			4.964																		
8	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phần khu J)	1	8098493	619	332	3309	14/6/2024	1.608			1.608																		
9	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phần khu G tại phường Phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8098497	619	332	3310	14/6/2024	946			946																		
10	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đồ thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098498	619	332	2289	08/4/2024	2.700			2.700																		
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1	8098170	619	332	1216	01/4/2024	545			545																		
12	Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	8098171	619	332	2209	02/4/2024	408			408																		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI

(Kèm theo Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	30						45.320	27.048,336	
	UBND phường Quang Trung	1						2.817	1.500	
1	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7171176	760	161	4813	04/10/2024	2.817	1.500	
	UBND phường Thanh Sơn	1						4.675	3.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171179	760	161	4396	23/8/2024	4.675	3.500	
	UBND phường Yên Thanh	2						4.548	2.700	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	161	4335	16/8/2024	1.748	1.200	
	UBND phường Phương Đông	2						2.498	1.400	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	161	4366	20/8/2024	1.319	600	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	7171188	760	341	4339	19/8/2024	1.179	800	
	UBND phường Phương Nam	2						1.904	1.250	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	161	4350	20/8/2024	1.104	700	
	UBND phường Trung Vương	9						15.073	8.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trung Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	161	4336	16/8/2024	3.132	2.000	
	UBND phường Nam Khê	1						749	600	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	7171185	760	161	4337	16/8/2024	749	600	
	UBND phường Bắc Sơn	1						1.957	1.500	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1	7171167	760	161	4306	15/8/2024	1.957	1.500	
	UBND phường Vàng Danh	10						8.418	4.800	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400	
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cắt đến cầu Lán Thấp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450	
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200	
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900	
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	7171160	760	161	4305	15/8/2024	1.207	900	
	UBND xã Thượng Yên Công	1						2.682	1.598	
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	7171194	760	161	4526	29/8/2024	2.682	1.598,336	